TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **204**/2025/HS-PT
Ngày: 26/8/2025.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đ;
Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn L;
Ông Ong Thân T.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân T, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc V - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 79/2025/TLPT-HS ngày 21 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo Trần Thanh T và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2025/HS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: **Trần Thanh T,** sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ 3, khu 5, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nay là: Phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc T tâm quan trắc Tài nguyên và môi trường; trình độ văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị khai trừ Đảng theo Quyết định số 929-QĐ/ĐUK ngày 22/11/2024 của Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh Quảng Ninh; con ông: Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Đinh Hải H; có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 14/11/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Hoàng Việt D,** sinh năm 1966 tại Thái Bình; nơi cư trú: Tổ 1A, khu 1, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nay là: Phường Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Nguyên Chi Cục trưởng Chi Cục B và Hải đảo; trình độ văn hoá: lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị khai trừ Đảng theo Quyết định số 930-QĐ/ĐUK ngày 22/11/2024 của Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh Quảng Ninh; con ông Hoàng Thái Â và bà

Trần Thị P; có vợ là Đặng Thị L; có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 14/11/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Bùi Văn T,** sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 1, khu 3, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nay là: Phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng phòng quan trắc môi trường thuộc T tâm quan trắc Tài nguyên và môi trường; trình độ văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị khai trừ Đảng theo Quyết định số 457-QĐ/ĐUK ngày 11/10/2024 của Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh Quảng Ninh; con ông Bùi Chí N và bà Đào Thị L; có vợ là Trần Thị H T; có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 02/10/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn T: Luật sư Vũ Hoàn L và Luật sư Nguyễn Văn T – Công ty Luật TNHH Địa ốc – Ngân hàng, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

4. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc B,** sinh năm 1986 tại Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ 43, khu 4, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nay là: Phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng phòng quản lý hệ thống quan trắc môi trường tự động thuộc T tâm quan trắc Tài nguyên và môi trường; trình độ văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị khai trừ Đảng theo Quyết định số 458-QĐ/ĐUK ngày 11/10/2024 của Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh Quảng Ninh; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Bùi PH D; có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 02/10/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Trần Hoàng N,** sinh ngày 19 tháng 01 năm 1994 tại: Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ 7, khu 2, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nay là: Phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Viên chức Phòng quản lý hệ thống quan trắc môi trường tự động thuộc T tâm quan trắc Tài nguyên và môi trường; trình độ văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 05-QĐ/UBKTĐU ngày 12/5/2025 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy UBND tỉnh Quảng Ninh; con ông Trần Thanh H và bà Trần Thị T; có vợ là Nguyễn Thanh T; có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh, có mặt tại phiên tòa.

* Trong vụ án còn có: Các bị cáo Trần Lê T, Vũ Thị Thu H, Nguyễn Thành H, Đoàn Hải S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo; các bị cáo không bị kháng cáo, kháng nghị; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

T tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường (T tâm quan trắc) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh (nay là Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh Quảng Ninh), có chức năng cung cấp các dịch vụ công, tư vấn về tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật; quản lý, vận hành Hệ thống quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Từ năm 2017 đến năm 2020, Sở Tài nguyên và Môi trường đã đầu tư, lắp đặt 19 Trạm quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh và bàn giao cho T tâm quan trắc quản lý, vận hành. Hàng năm, Sở Tài nguyên và môi trường ban hành các Quyết định, Hợp đồng đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực môi trường, giao T tâm quan trắc thực hiện hoạt động quan trắc và lập báo cáo hiện trạng môi trường, lập báo cáo quan trắc môi trường của hệ thống quan trắc tự động; đồng thời duyệt các khoản chi phí gồm: Chi phí vận hành, chi phí quản lý chung và chi phí khác trong đó có chi phí bảo vệ tại một Trạm quan trắc là 2 người/trạm x 3 triệu đồng/người/tháng = 72 triệu đồng /trạm/năm.

Đầu năm 2018, Hoàng Việt D là Giám đốc T tâm quan trắc đã yêu cầu Bùi Văn T (trưởng phòng Hành chính- Tổng hợp) và Nguyễn Ngọc B (Trưởng phòng, phòng quản lý hệ thống Quan trắc môi trường tự động) đến phòng làm việc để nghe báo cáo về công tác quản lý, vận hành các Trạm quan trắc trong đó có việc ký hợp đồng dịch vụ bảo vệ tại các Trạm. Sau khi nghe Bùi Văn T báo cáo mức lương chi trả cho bảo vệ được cấp 3 triệu đồng/người/tháng, không đảm bảo mức lương tối thiểu vùng thì D đã chỉ đạo: Do đặc thù các Trạm quan trắc đặt rải rác tại nhiều địa pH nên giao Phòng Quan trắc tự động tìm nhân viên bảo vệ trên 60 tuổi (để không phải đóng các khoản tiền bảo hiểm) và giao Phòng Hành chính - Tổng hợp soạn thảo hợp đồng dịch vụ bảo vệ. B đã có ý kiến: Trạm quan trắc đa số được đặt trong khuôn viên của cơ quan, tổ chức nên đa số bảo vệ đã được thuê người đang làm bảo vệ tại các cơ quan, tổ chức này làm, họ vẫn đang trong độ tuổi lao động nên việc tìm người trên 60 tuổi làm bảo vệ khó khăn. Do vậy, D chỉ đạo: vẫn thuê bảo vệ của các cơ quan này làm bảo vệ nhưng hồ sơ hợp đồng bảo vệ thì nhờ họ mượn tên của người khác trên 60 tuổi, đồng thời để có quỹ chi tiêu trong cơ quan thì bớt một phần tiền theo hợp đồng bảo vệ và làm khống hợp đồng của bảo vệ.

Thực hiện chỉ đạo của D, B đã yêu cầu Vũ Thị Thu H là nhân viên Phòng quản lý hệ thống Quan trắc môi trường tự động do B quản lý, hằng tháng cùng với T (Trưởng phòng Hành chính – tổng hợp) làm hồ sơ, thủ tục thanh toán. Đồng thời, yêu cầu các cán bộ phụ trách cácTrạm quan trắc tự động gồm H, S và Trần Hoàng N liên hệ với những nhân viên bảo vệ làm tại Trạm quan trắc, nhờ họ lấy thêm thông tin của người quen trên 60 tuổi không thực hiện bảo vệ. Đối với trạm quan trắc đã thuê được 01 bảo vệ ngoài tuổi lao động thì lấy thêm thông tin của 01 người khác; còn Trạm quan trắc nào thuê 01 bảo vệ trong độ tuổi lao động thì tìm thông tin 02 người khác để lập khống hợp đồng, sau đó chuyển thông tin căn cước công dân cho T và Trần Lê T (là Phó trưởng phòng Hành chính – Tổng Hợp) trực tiếp soạn thảo, lập khống Hợp đồng dịch vụ bảo vệ, trình Hoàng

Việt D ký duyệt Hợp đồng bảo vệ khống với mục đích làm căn cứ để thanh quyết toán.

Ngoài ra, theo chỉ đạo của D, B yêu cầu các cán bộ phụ trách trạm quan trắc thỏa thuận với các nhân viên bảo vệ nhận mức lương thấp hơn mức lương trên hợp đồng (ít hơn 3 triệu đồng/tháng). Số tiền thu được từ việc nghiệm thu, thanh toán các Hợp đồng dịch vụ bảo vệ khống và từ việc không chi trả đủ cho các nhân viên bảo vệ tại các Trạm quan trắc, B yêu cầu H nộp lại cho T theo chỉ đạo của Hoàng Việt D.

Tháng 8 năm 2020, Hoàng Việt D chuyển công tác, Trần Thanh T tiếp nhận và giữ chức vụ giám đốc T tâm quan trắc. Sau khi nhận chức Giám đốc, T đã yêu cầu T và B báo cáo lại công việc, trong đó có việc ký Hợp đồng bảo vệ và thanh toán chi phí bảo vệ. T và B đã báo cáo lại T có việc thu lại tiền bảo vệ tại các Trạm quan trắc để nộp về cơ quan chi tiêu chung và vướng mắc trong độ tuổi ký hợp đồng nên phải lấy thông tin người không làm bảo vệ để phù hợp hồ sơ. Sau khi nghe báo cáo, Trần Thanh T chỉ đạo *"thời điểm này đang dịch Covid và kinh phí chi trả cũng ít, nên trong lúc khó khăn về nhân sự như vậy thì tạm thời cứ thực hiện như trước"*. Do đó, T và B tiếp tục chỉ đạo cấp dưới ký hợp đồng khống và thu lại tiền bảo vệ tại các Trạm quan trắc nộp về cho Bùi Văn T. Tháng 6/2021, T chuyển công tác, nên Nguyễn Ngọc B chỉ đạo Vũ Thị Thu H nộp lại số tiền chi phí bảo vệ cho Trần Lê T từ tháng 6/2021 đến hết tháng 12/2021.

Đầu năm 2022, T yêu cầu B bổ sung thêm số tài khoản vào Hợp đồng dịch vụ bảo vệ để chuyển khoản trực tiếp tiền lương cho những người có tên trên hợp đồng. Tháng 4/2022, khi Bùi Văn T được phân công quay về T tâm làm Trưởng phòng Hành chính - tổng hợp. B và T đến phòng T báo cáo, B báo cáo bây giờ chuyển khoản trực tiếp tiền lương cho bảo vệ nên việc thu lại tiền khó khăn. Vì vậy, T đã chỉ đạo: *"thôi bây giờ cứ cố gắng thu lại được bao nhiêu thì thu, cố gắng mỗi trạm một triệu"*. Do vậy, B chỉ đạo H nộp lại cho Bùi Văn T mỗi tháng 19 triệu đồng.

Về việc thanh toán lương cho các bảo vệ được thực hiện như sau:

- Năm 2018, việc trả lương cho các nhân viên bảo vệ bằng tiền mặt, H nhận tiền mặt từ Phòng Hành chính - tổng hợp; sau khi nhận tiền lương bảo vệ H giữ lại một phần để phát cho các cán bộ phụ trách trạm chuyển cho bảo vệ thực tế; số tiền còn lại H đưa cho Bùi Văn T theo chỉ đạo của B;

- Năm 2019 đến năm 2021, tiền lương bảo vệ được chuyển khoản đến tài khoản cá nhân của H, sau đó H giữ lại một phần để phát cho các cán bộ phụ trách trạm chuyển cho bảo vệ thực tế; còn một phần H đưa lại cho Bùi Văn T. Trong thời gian này, do nghỉ thai sản nên từ tháng 8/2019 đến tháng 12/2019 H đã hướng dẫn Phạm Mạnh C thực hiện việc lập chứng từ thanh toán tiền lương bảo vệ tại 19 trạm quan trắc và tháng 12/2021 H hướng dẫn Nguyễn Thu H - nhân viên Phòng QTTĐ thực hiện việc trên.

Từ năm 2018 đến hết năm 2021, H, C, H đã nộp lại 1,326 tỷ đồng cho Bùi Văn T và Trần Lê T *(trong đó: H nộp cho Bùi Văn T 1,0035 tỷ đồng, nộp cho Trần Lê T 200 triệu đồng; C nộp cho Bùi Văn T 92,5 triệu đồng; H nộp cho*

Trần Lê T 30 triệu đồng).

- Năm 2022, 2023, tiền lương bảo vệ được chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản của nhân viên bảo vệ trên hợp đồng. Tuy nhiên, các nhân viên bảo vệ thực tế chỉ nhận mức lương trước đó đã được thỏa thuận, số tiền còn lại H, S, Trần Hoàng N là các cán bộ phụ trách Trạm quan trắc đề nghị họ chuyển lại qua tài khoản cá nhân, cụ thể:

H thu lại tiền bảo vệ tại các Tram quan trắc khu vực T tâm (Trạm quan trắc Khu Công nghiệp Cái Lân; Trạm Yên Mỹ, Hoành Bồ; Trạm khí Nam Cầu Trắng) tổng số 175 triệu đồng.

S thu lại tiền bảo vệ tại các Trạm quan trắc khu vực miền Đông (Trạm nước ven B Ghềnh Võ, Hải Hà; Trạm không khí đặt tại UBND huyện Hải Hà; Trạm khí tại T tâm văn hóa thể thao Cẩm Phả; Trạm khí tại Thành ủy Móng Cái; Trạm nước B tại cầu cảng Clinker, Cẩm Phả; Trạm nước tại cảng Vũng Đục, Cẩm Phả; Trạm nước khu Lò Mắm, Móng Cái) tổng số 374.500.000 đồng.

Trần Hoàng N thu lại tiền bảo vệ tại các Trạm khu vực miền Tây (Trạm quan trắc UBND phường Mạo Khê, Trạm quan trắc tại T tâm kỹ thuật Quảng Yên; Trạm Nhuệ Hổ, Đông Triều) tổng số 134 triệu đồng.

Sau khi các bảo vệ chuyển lại tiền chi phí bảo vệ, Trần Hoàng N, S chuyển số tiền này đến tài khoản BIDV số 4400159592 của H, để Hưng tập hợp nộp về cho Bùi Văn T. Tổng số tiền H đã tập hợp là 671,5 triệu đồng. Theo yêu cầu của Trần Thanh T, B đã chỉ đạo Hưng nộp lại cho Bùi Văn T và Trần Lê T 19 triệu đồng/tháng x 21 tháng = 399 triệu đồng (nộp cho T 342 triệu đồng, nộp cho T 57 triệu đồng). Còn lại 272,5 triệu đồng, Hưng được B chỉ đạo giữ lại, không sử dụng vào việc gì, để khi nào nghiệm thu, thanh toán nếu thiếu thì nộp lại phòng Hành chính – Tổng hợp. Số tiền này, Hưng đã giao nộp Cơ quan điều tra.

Tổng số tiền thu được từ các Hợp đồng dịch vụ bảo vệ khống và từ việc chi trả không đủ lương cho các nhân viên bảo vệ từ năm 2018 đến năm 2023 là 2.009.500.000 đồng. Các tài liệu trong quá trình đều tra xác định số tiền này các bị cáo không ăn chia, hưởng lợi cá nhân với nhau mà được Hoàng Việt D, Trần Thanh T chỉ đạo Bùi Văn T, Trần Lê T chi cho các hoạt động chung của T tâm quan trắc như: tiếp khách, ma chay, hiếu hỷ, thiện nguyện... nhưng không thu được sổ sách ghi chép theo dõi việc chi tiêu.

Kết quả xác minh, ghi lời khai đối với 73 nhân viên bảo vệ và người liên quan tại 19 Trạm quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh, xác định: có 33 người đứng tên trên Hợp đồng bảo vệ, nhưng thực tế không làm bảo vệ tại các Trạm quan trắc; 15 nhân viên bảo vệ không được nhận đủ 3 triệu đồng/tháng. Số tiền ngân sách nhà nước bị thất thoát từ 101 Hợp đồng dịch vụ bảo vệ khống tại 19 Trạm quan trắc trên là 2.009.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Vũ Thị Thu H tự nguyện giao nộp 01 USB, có nội dung trao đổi việc H chuyển tiền cho Trần Lê T; H tự nguyện giao nộp 01 đĩa CD và 02 file ghi âm trong điện thoại di động, có nội dung trao đổi về việc Hưng chuyển tiền T.

- Tại các Kết luận giám định số 5135/KL-KTHS ngày 18/7/2024 và số

6460/KL-KTHS ngày 25/9/2024 của Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an, kết luận:

+ Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung âm thanh trong các file ghi âm gửi giám định.

+ Tiếng nói trong file ghi âm do Vũ Thị Thu H giao nộp là của Vũ Thị Thu H và Trần Lê T;

+ Tiếng nói trong các file ghi âm do H giao nộp là của H và Bùi Văn T.

- Tại Kết luận giám định số 1339/KL-KTHS ngày 27/8/2024 và số 2088/KL-KTHS ngày 30/12/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh xác định: các chữ ký, chữ viết của của các ông, bà Trần Đình Kỳ, Ngô Văn Quảng, Vương Thị Ổn, Vũ Ngọc Liễn, Ngô Thị Nhạn, Nguyễn Văn Nhẫn, Trần Văn Mẫm, Nguyễn Đình Quyến, Vũ Ngọc Lâm, Trần Văn Trước, Phạm Thanh Danh, Vũ Văn Khoa, Vũ Văn Sơn, Nguyễn Ngọc Bảo, Vũ Thị Quyền, Trịnh Ngọc Thành, Vũ Văn Thìn, Vũ Xuân Chí, Lê Đình Nhận, Vũ Tiến D, Nguyễn Thị Lán, Phạm Văn Chuộng, Đặng Thành Kính, Nguyễn Văn Tảo trên Hợp đồng dịch vụ bảo vệ và Chứng từ thanh toán tiền lương bảo vệ của T tâm quan trắc từ năm 2018 đến năm 2023. Không phải cùng một người ký, viết ra.

- Tại Kết luận giám định số 106 ngày 17/02/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Quảng Ninh xác định: Chữ ký mang tên Hoàng Việt D, Trần Thanh T trong các Hợp đồng dịch vụ bảo vệ là chữ ký của Hoàng Việt D, Trần Thanh T; các chữ ký cuối trang trong các Hợp đồng dịch vụ bảo vệ là của Bùi Văn T, Trần Lê T.

Quá trình điều tra, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và đã tự nguyện nộp lại số tiền là 2.012.500.000 đồng để khắc phục toàn bộ hậu quả gây ra. Trong đó: Hoàng Việt D và Trần Thanh T, mỗi người nộp số tiền 700 triệu đồng; Bùi Văn T nộp lại số tiền 200 triệu đồng; Nguyễn Ngọc B nộp số tiền 60 triệu đồng; Trần Lê T nộp số tiền 50 triệu đồng; H nộp số tiền 272,5 triệu đồng; Vũ Thị Thu H, S và Trần Hoàng N mỗi người nộp số tiền 10 triệu đồng.

Bản cáo trạng số 3309/CT-VKSQN-P3 ngày 18/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố Hoàng Việt D, Trần Thanh T, Bùi Văn T, Nguyễn Ngọc B, Vũ Thị Thu H, Trần Lê T, H, S và Trần Hoàng N về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo Điều 356 Bộ luật Hình sự. Trong đó: Trần Thanh T, Bùi Văn T, Nguyễn Ngọc B, Vũ Thị Thu H và Trần Lê T theo khoản 3 Điều 356 BLHS; Hoàng Việt D, H, S theo điểm b, c khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự; Trần Hoàng N theo khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2025/HS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định: Căn cứ vào Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Việt D, Trần Thanh T, Bùi Văn T, Nguyễn Ngọc B và Trần Hoàng N phạm tội "*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*".

- Áp dụng: khoản 3, khoản 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều

51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Trần Thanh T** 05 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/11/2024. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan trong thời gian 02 (Hai) năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Xử phạt: **Bùi Văn T** 24 (Hai mươi tư) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/10/2024. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan trong thời gian 02 (Hai) năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

- Áp dụng: điểm b, c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Hoàng Việt D** 24 (Hai mươi tư) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/11/2024. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan trong thời gian 02 (Hai) năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

- Áp dụng: khoản 3, khoản 4 Điều 356; điểm b, s, v, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Ngọc B** 24 (Hai mươi tư) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/10/2024. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan trong thời gian 02 (Hai) năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 356; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Trần Hoàng N** 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh nhận được Quyết định thi hành án. Giao bị cáo Trần Hoàng N cho Ủy ban nhân dân phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh để giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ; Gia đình bị cáo Trần Hoàng N có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa pH trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo Trần Hoàng N phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Trần Lê T, Vũ Thị Thu H, H, S; quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/6/2025, bị cáo Trần Thanh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 19/6/2025, bị cáo Hoàng Việt D kháng cáo xin giảm hình phạt. Cùng ngày, bị cáo Trần Hoàng N kháng cáo xin giảm hình phạt và miễn hình phạt.

Ngày 20/6/2025, bị cáo Bùi Văn T kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 23/6/2025, bị cáo Nguyễn Ngọc B kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo Trần Hoàng N, Bùi Văn T, Hoàng Việt D, Nguyễn Ngọc B đều xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Bị cáo Trần Thanh T giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do : Bị cáo không hưởng lợi cá nhân với nhau, các khoản tiền thu đều sử dụng chi cho các hoạt động chung cơ quan, để đảm bảo thu nhập, đời sống vật chất, tinh thần của người lao động trong cơ quan cũng như các hoạt động thiện nguyện an sinh xã hội, không nhằm mục đích tư lợi cá nhân; ăn năn hối cải; tiếp tục có công văn của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh đề nghị xem xét giảm thêm hình phạt cho bị cáo, bị cáo tiếp nhận ý chí và hành vi phạm tội từ lãnh đạo trước đó của T tâm quan trắc, bị cáo là người chủ động và khắc phục phần lớn hậu quả của vụ án, xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Sau khi phân tích nội dung vụ án, xác định việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Thanh T, Bùi Văn T Trần Hoàng N, Hoàng Việt D, Nguyễn Ngọc B về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo Điều 356 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi có bản án sơ thẩm các bị cáo đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, bị cáo Hoàng Việt D xin được xử hình phạt khác nhẹ hơn. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Hoàng Việt D, Bùi Văn T Trần Hoàng N và Nguyễn Ngọc B xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo, việc rút kháng cáo của các bị cáo này là hoàn toàn tự nguyện. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm theo quy định.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Thanh T, thấy : Trần Thanh T tiếp nhận và giữ chức vụ giám đốc T tâm quan trắc từ tháng 8/2020; sau khi được T và B báo cáo lại công việc, trong đó có việc ký Hợp đồng bảo vệ và việc thu lại tiền bảo vệ tại các Trạm quan trắc nên T tiếp tục chỉ đạo thực hiện theo D đã chỉ đạo trước đó nên đã gây thiệt hại 1.263.500.000 đồng; quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm đã tự nguyện nộp lại 720 triệu đồng khắc phục hậu quả. Do bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều thành tích trong công tác, được tặng thưởng nhiều bằng khen, ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, gia đình có công với Cách mạng, hậu quả vụ án đã được khắc phục toàn bộ. Vì vậy tại bản án sơ thẩm đã áp dung khoản 3 Điều 356 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo T 05 năm tù là đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tiếp tục ăn năn hối cải, có thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Sở Nông nghiệp và Tài nguyên môi trường tiếp tục có văn bản đề nghị giảm nhẹ thêm cho bị cáo; tuy bị cáo chịu trách nhiệm là người đứng đầu nhưng hành vi này bị cáo chỉ tiếp nhận do bị cáo D thực hiện từ trước đó. Do vậy đề nghị áp dung tính nhận đạo của pháp luật giảm thêm cho bị cáo từ 10 đến 12 tháng tù.

Căn cứ các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Kháng cáo của các bị cáo Trần Thanh T, Trần Hoàng N, Bùi Văn T, Hoàng Việt D, Nguyễn Ngọc B đều trong thời hạn quy định nên được chấp nhận để xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Hoàng N, Bùi Văn T, Hoàng Việt D, Nguyễn Ngọc B đều xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo; việc rút kháng cáo của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện. Do đó đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Trần Hoàng N, Bùi Văn T, Hoàng Việt D, Nguyễn Ngọc B theo quy định.

Các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử không có người tham gia tố tụng nào khiếu nại về hành vi tố tụng của những người tiến hành tố tụng, nên các tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị cáo Trần Thanh T, Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa bị cáo Trần Thanh T và các bị cáo đã rút kháng cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội của mình đúng như kết luận của bản án sơ thẩm là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Theo đó, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2023, tại T tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường, thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh, các bị cáo Hoàng Việt D, Trần Thanh T, Bùi Văn T, Nguyễn Ngọc B, Vũ Thị Thu H, Trần Lê T, H, S và Trần Hoàng N đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý, vận hành Hệ thống quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, làm trái công vụ trong công tác tuyển dụng, ký Hợp đồng dịch vụ bảo vệ và thanh toán, chi trả lương cho các nhân viên bảo vệ tại 19 Trạm quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh từ năm 2018 đến năm 2023, gây thiệt hại 2.009.500.000 đồng cho ngân sách Nhà nước. Cụ thể:

- Bị cáo Hoàng Việt D làm Giám đốc T tâm quan trắc từ tháng 8/2017 đến hết tháng 7/2020, đã chỉ đạo cấp dưới lập khống 52 Hợp đồng dịch vụ bảo vệ; chi trả không đủ lương cho 08 nhân viên bảo vệ, gây thiệt hại 746.000.000 đồng.

- Bị cáo Trần Thanh T làm Giám đốc T tâm quan trắc từ tháng 8/2020 đến khi bị bắt giữ, chỉ đạo cấp dưới lập khống 49 Hợp đồng dịch vụ bảo vệ; chi trả không đủ lương cho 12 nhân viên bảo vệ, gây thiệt hại 1.263.500.000 đồng.

Các bị cáo Bùi Văn T, Nguyễn Ngọc B, Trần Hoàng N, Bùi Văn T, Hoàng Việt D tiếp nhận sự chỉ đạo ban đầu của bị cáo D và sau này là của bị cáo Trần Thanh T dẫn đến gây thiệt hại cho nhà nước tổng số tiền như tại bản án sơ thẩm đã xác định. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Hoàng Việt D, Trần Thanh T, Bùi Văn T, Nguyễn Ngọc B, Vũ Thị Thu H, Trần Lê T, H, S và Trần Hoàng N về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ", trong đó: Trần Thanh T theo khoản 3 Điều 356 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Trần Lê T, H, Vũ Thị Thu H,

S đều không kháng cáo nên HĐXX phúc thẩm không xét.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đúng tính chất vụ án, hành vi phạm tội của của từng bị cáo, cụ thể:

Bị cáo Hoàng Việt D làm Giám đốc T tâm quan trắc từ tháng 8/2017 đến hết tháng 7/2020. Bị cáo Trần Thanh T làm Giám đốc T tâm quan trắc từ tháng 8/2020 đến khi bị bắt. Tuy bị cáo D là người khởi xướng, nhưng số tiền gây thiệt hại nhỏ hơn bị cáo T, bị cáo T là người tiếp nhận vị trí Giám đốc T tâm quan trắc thay D, lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do bị cáo D khởi xướng, cả hai bị cáo đều là những người đứng đầu T tâm quan trắc, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của T tâm nhưng lại là những người chỉ đạo cấp dưới lập khống hợp đồng dịch vụ, gây thiệt hại tài sản cho Nhà nước nên hai bị cáo giữ vai trò đầu vụ là đúng.

Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Trần Thanh T; bị cáo không hưởng lợi cá nhân mà tiếp tục thực hiện theo sự chỉ đạo của Hoàng Việt D đã chỉ đạo Bùi Văn T, Trần Lê T chi cho các hoạt động chung cơ quan, không nhằm mục đích tư lợi cá nhân mà đã sử dụng số tiền này để đảm bảo thu nhập, đời sống vật chất, tinh thần của người lao động trong cơ quan cũng như các hoạt động thiện nguyện an sinh xã hội trái quy định nên hành vi mà các bị cáo đã thực hiện là vi phạm pháp luật. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên áp dụng thêm Điều 54 BLHS để cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, riêng đối với bị cáo Trần Thanh T bị phạt 05 năm tù là đúng quy định. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo tiếp tục thể hiện sự ăn năn hối cải, tiếp tục có công văn của T tâm quan trắc môi trường Miền Bắc thuộc Cục Môi trường – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ninh đề nghị xem xét giảm thêm hình phạt cho bị cáo, bị cáo tiếp nhận ý trí và hành vi phạm tội từ lãnh đạo trước đó của T tâm quan trắc, bị cáo là người chủ động và khắc phục phần lớn hậu quả của vụ án. Do vậy cần áp dụng sự nhân đạo của pháp luật giảm cho bị cáo một phần hình phạt như quan điểm của đại diện Viện công tố và xét xử phúc thẩm nêu tại phiên tòa là có căn cứ;

[4]. Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 348; điểm b khoản 1 Điều 356; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trần Hoàng N, Bùi Văn T, Hoàng Việt D, Nguyễn Ngọc B. Các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2025/HS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đối với các bị cáo Trần Hoàng N, Bùi Văn T, Hoàng Việt D, Nguyễn Ngọc B có hiệu lực pháp luật. Cụ thể như sau:

Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Việt D, Bùi Văn T, Nguyễn Ngọc B và Trần Hoàng N phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

- Áp dụng: Khoản 3, khoản 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Bùi Văn T** 24 (Hai mươi tư) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/10/2024. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan trong thời gian 02 (Hai) năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

- Áp dụng: điểm b, c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Hoàng Việt D** 24 (Hai mươi tư) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/11/2024. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan trong thời gian 02 (Hai) năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

- Áp dụng: khoản 3, khoản 4 Điều 356; điểm b, s, v, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Ngọc B** 24 (Hai mươi tư) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/10/2024. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan trong thời gian 02 (Hai) năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 356; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Trần Hoàng N** 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh nhận được Quyết định thi hành án. Giao bị cáo Trần Hoàng N cho Ủy ban nhân dân phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh để giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ; Gia đình bị cáo Trần Hoàng N có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa pH trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo Trần Hoàng N phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thanh T; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2025/HS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đối với bị cáo Trần Thanh T. Cụ thể như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thanh T phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

- Áp dụng: Khoản 3, khoản 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Trần Thanh T** 04 (Bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/11/2024. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan trong thời gian 02 (Hai)

năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

3. Về án phí: Các bị cáo Trần Thanh T, Hoàng Việt D, Bùi Văn T, Nguyễn Ngọc B và Trần Hoàng N không phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Xác nhận: Bị cáo Trần Thanh T đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai số 0000774 ngày 11/7/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;

Bị cáo Nguyễn Ngọc B đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai số 0000054 ngày 30/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

CÁC THẨM PHÁN		**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Ong Thân T	**Phạm Văn L**	**Nguyễn Vũ Đ**

Nơi nhận:
- Viện CT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ninh;
- Các bị cáo (qua TTG CA tỉnh Quảng Ninh);
- Bị cáo Nam (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, P.HC-TP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Đ